TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà ĐỖ THỊ MỸ HẠNH.

2/ Ông LÊ HUỲNH HẢI ĐĂNG.

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ BÍCH DU - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **LƯƠNG H**, sinh năm 1986 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1/36 (số mới 149), khu phố T, phường N, thành phố N, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh **LÊ HỮU H1**, sinh năm 1984 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà B2/3, Tổ 5, ấp Trường Cửu, xã Trường Hòa, thị xã H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2020 và lời trình bày của chị Lương H thể hiện như sau:

Chị Lương H và nh Lê Hữu H1 tự nguyện chung sống vợ cH1 từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Hòa, huyện H, tỉnh N ngày 30/3/2010. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng sống chung nhà của cha mẹ chồng chết để lại do chị cH1 đang quản lý sử dụng, thời gian được khoảng 08 tháng, do xảy ra xích mích

giữa chị H với chị chồng nên không sống chung được, do đó chị H về nhà cha mẹ ruột ở đến nay, anh H1 cũng về sống chung với chị H được khoảng gần 02 năm thì vợ cH1 ly thân thời gian khoảng 04 năm, đến năm 2017 anh H1 quay về sống chung với chị tại nhà mẹ ruột chị cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hợp nên xảy ra nhiều bất hòa, anh H1 không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vô tâm, vô trách nhiệm với vợ con, nên vợ cH1 không có tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện nay chị và anh H1 vẫn sống chung nhà của mẹ ruột chị nhưng thực tế đã ly thân, không ai nói chuyện với ai. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2011 hiện sống chung với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhiều lần tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, anh H1 trực tiếp nhận nhưng không lần nào có mặt nên không thu thập được lời khai của anh H1.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt có lý do; anh H1 vắng mặt không có lý do.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1; giao cháu Lê Tuấn Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung ghi nhận chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H1 là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Lương H và anh Lê Hữu H1 tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, anh H1 không quan tâm đến gia đình, vợ

con nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh chị đã có thời gian 04 năm sống ly thân, sau đó chung sống lại nhưng vẫn không hàn gắn được, thực tế hiện nay anh chị không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1 là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy cháu Lê Tuấn Đạt hiện sống chung với chị H và có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, chị H cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên cần giao cháu Đạt cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương H đối với anh Lê Hữu H1. Chị H và anh H1 không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Lương H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Lê Tuấn Đạt, sinh ngày 25/3/2011, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh H1 có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh H1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lương H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008717 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh N, chị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THA DS thị xã H;
- UBND xã Trường Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).